

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TỪ DŨ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 197 /BVTĐ-QLCL
V/v báo cáo tự kiểm tra chất
lượng bệnh viện năm 2024

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày: 23 tháng 01 năm 2025

Kính gửi:

- Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trưởng phòng Nghiệp vụ Y.

Ngày 03/01/2025, Bệnh viện Từ Dũ nhận Kế hoạch số 28/KH-SYT ngày 03/01/2025 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2024 (mới).

Bệnh viện Từ Dũ kính gửi Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh hồ sơ báo cáo kết quả tự kiểm tra bệnh viện, bao gồm:

- Báo cáo tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2024 (Phụ lục 1- Quyết định 6858/QĐ-BYT).
- Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng bệnh viện và hài lòng người bệnh năm 2024 (Phụ lục 1000 điểm đính kèm phụ lục 1 – Kế hoạch số 28/KH-SYT).
- Điểm khảo sát hài lòng người bệnh nội trú, ngoại trú, nhân viên y tế năm 2024.

Trân trọng./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLCL(NGL17): 

GIÁM ĐỐC



BS. CKII Trần Ngọc Hải

Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN NĂM 2024

(ÁP DỤNG CHO CÁC BỆNH VIỆN TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ)

Bệnh viện: BỆNH VIỆN TỪ DỪ

Địa chỉ chi tiết: 284 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP Hồ Chí Minh

Số giấy phép hoạt động:01356/SYT-GPHĐ Ngày cấp: 13/01/2014

Tuyến trực thuộc: 2.Tỉnh/Thành phố

Cơ quan chủ quản: SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hạng bệnh viện: Hạng I

Loại bệnh viện: Sản khoa

TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

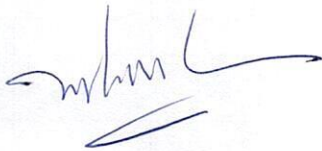
- 1. TỔNG SỐ CÁC TIÊU CHÍ ĐƯỢC ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ: 79/83 TIÊU CHÍ
- 2. TỶ LỆ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG SO VỚI 83 TIÊU CHÍ: 95%
- 3. TỔNG SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ ÁP DỤNG: 377 (Có hệ số: 404)
- 4. ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG CỦA CÁC TIÊU CHÍ: 4.75

(Tiêu chí C3 và C5 có hệ số 2)

KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Tổng số tiêu chí
5. SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT:	0	0	2	14	63	79
6. % TIÊU CHÍ ĐẠT:	0.00	0.00	2.53	17.72	79.75	79

Ngày: 23 tháng 01 năm 2025

NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN
(ký tên)



TS.BS. Lê Thị Minh Châu

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
(ký tên và đóng dấu)



BS. CKII Trần Ngọc Hải

**BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN
NĂM 2024**

I. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG

Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2024	Đoàn KT đánh giá NĂM 2024	Chi tiết
A	PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)			
A1	A1. Chi dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)			
A1.1	Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể	5	0	
A1.2	Người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật	5	0	
A1.3	Bệnh viện tiến hành cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh	5	0	
A1.4	Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời	5	0	
A1.5	Người bệnh được làm các thủ tục, khám bệnh, thanh toán... theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên	5	0	
A1.6	Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện	5	0	
A2	A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)			
A2.1	Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường	5	0	
A2.2	Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện	5	0	
A2.3	Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt	5	0	
A2.4	Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý	5	0	
A2.5	Người khuyết tật được tiếp cận với các khoa/phòng, phương tiện và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện	5	0	
A3	A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)			
A3.1	Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	5	0	
A3.2	Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp	5	0	
A4	A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)			
A4.1	Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị	5	0	
A4.2	Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư cá nhân	5	0	
A4.3	Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác	4	0	
A4.4	Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế	0	0	
A4.5	Người bệnh có ý kiến phản nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời	5	0	
A4.6	Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp	5	0	
B	PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)			
B1	B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)			
B1.1	Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện	5	0	
B1.2	Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện	5	0	
B1.3	Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp của nhân lực bệnh viện	5	0	
B2	B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)			
B2.1	Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp	5	0	
B2.2	Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức	5	0	
B2.3	Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực	5	0	
B3	B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)			
B3.1	Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế	5	0	
B3.2	Bảo đảm điều kiện làm việc, vệ sinh lao động và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế	5	0	

Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2024	Đoàn KT đánh giá NĂM 2024	Chi tiết
B3.3	Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện	5	0	
B3.4	Tạo dựng môi trường làm việc tích cực cho nhân viên y tế	5	0	
B4	B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)			
B4.1	Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai	5	0	
B4.2	Triển khai văn bản của các cấp quản lý	5	0	
B4.3	Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện	3	0	
B4.4	Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận	4	0	
C	PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)			
C1	C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)			
C1.1	Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện	5	0	
C1.2	Bảo đảm an toàn điện và phòng chống cháy nổ	5	0	
C2	C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)			
C2.1	Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học	4	0	
C2.2	Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học	4	0	
C3	C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)			
C3.1	Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế	4	0	
C3.2	Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn	4	0	
C4	C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)			
C4.1	Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn	5	0	
C4.2	Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	5	0	
C4.3	Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ rửa tay	5	0	
C4.4	Đánh giá, giám sát và triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	5	0	
C4.5	Chất thải rắn bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	0	0	
C4.6	Chất thải lỏng bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	0	0	
C5	C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)			
C5.1	Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật	0	0	
C5.2	Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới	5	0	
C5.3	Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng	5	0	
C5.4	Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị	5	0	
C5.5	Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện	4	0	
C6	C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)			
C6.1	Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả	5	0	
C6.2	Người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị	5	0	
C6.3	Người bệnh được chăm sóc vệ sinh cá nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện	5	0	
C7	C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)			
C7.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	4	0	
C7.2	Bệnh viện bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	5	0	
C7.3	Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện	5	0	
C7.4	Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý	5	0	
C7.5	Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện	5	0	
C8	C8. Chất lượng xét nghiệm (2)			

Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2024	Đoàn KT đánh giá NĂM 2024	Chi tiết
C8.1	Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh và giải phẫu bệnh	5	0	
C8.2	Bảo đảm chất lượng các xét nghiệm	5	0	
C9	C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)			
C9.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động dược	5	0	
C9.2	Bảo đảm cơ sở vật chất khoa Dược	4	0	
C9.3	Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng	4	0	
C9.4	Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý	5	0	
C9.5	Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) kịp thời, đầy đủ và có chất lượng	5	0	
C9.6	Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả	5	0	
C10	C10. Nghiên cứu khoa học (2)			
C10.1	Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học	4	0	
C10.2	Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh	4	0	
D	PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)			
D1	D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)			
D1.1	Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện	5	0	
D1.2	Xây dựng và triển khai kế hoạch, đề án cải tiến chất lượng bệnh viện	5	0	
D1.3	Xây dựng văn hóa chất lượng	5	0	
D2	D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)			
D2.1	Phòng ngừa nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh	4	0	
D2.2	Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục	5	0	
D2.3	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa	5	0	
D2.4	Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ	5	0	
D2.5	Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã	5	0	
D3	D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)			
D3.1	Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện	3	0	
D3.2	Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện	5	0	
D3.3	Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện	5	0	
E	PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA			
E1	E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)			
E1.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh	5	0	
E1.2	Bệnh viện thực hiện tốt hoạt động truyền thông sức khỏe sinh sản trước sinh, trong khi sinh và sau sinh	5	0	
E1.3	Bệnh viện tuyên truyền, tập huấn và thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và UNICEF	5	0	
E2.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa	4	0	

II. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUNG

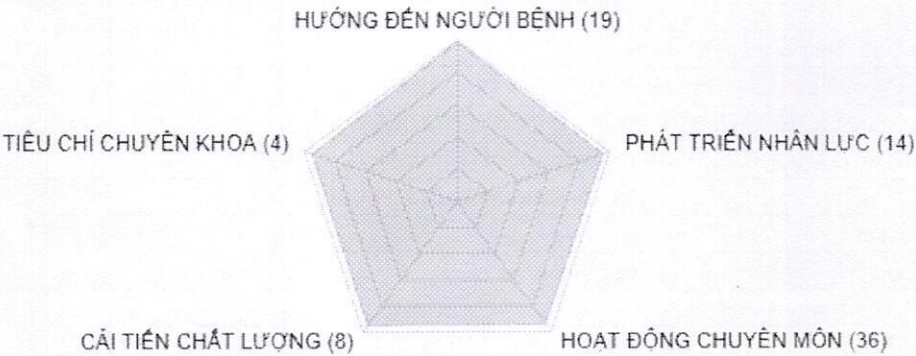
KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Điểm TB	Số TC áp dụng
PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)	0	0	0	1	17	4.94	18
A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)	0	0	0	0	6	5.00	6
A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)	0	0	0	0	5	5.00	5
A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)	0	0	0	0	2	5.00	2
A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)	0	0	0	1	4	4.80	5
PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)	0	0	1	1	12	4.79	14
B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)	0	0	0	0	3	5.00	3
B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)	0	0	0	0	3	5.00	3
B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)	0	0	0	0	4	5.00	4
B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)	0	0	1	1	2	4.25	4
PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)	0	0	0	10	22	4.69	32
C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)	0	0	0	0	2	5.00	2
C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)	0	0	0	2	0	4.00	2
C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)	0	0	0	2	0	4.00	2
C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)	0	0	0	0	4	5.00	4
C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)	0	0	0	1	3	4.75	4
C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)	0	0	0	0	3	5.00	3
C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)	0	0	0	1	4	4.80	5
C8. Chất lượng xét nghiệm (2)	0	0	0	0	2	5.00	2
C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)	0	0	0	2	4	4.67	6
C10. Nghiên cứu khoa học (2)	0	0	0	2	0	4.00	2
PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)	0	0	1	1	9	4.73	11
D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)	0	0	0	0	3	5.00	3
D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)	0	0	0	1	4	4.80	5
D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)	0	0	1	0	2	4.33	3
PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA	0	0	0	1	3	4.75	4
E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)	0	0	0	0	3	5.00	3

III. TÓM TẮT CÔNG VIỆC TỰ KIỂM TRA BỆNH VIỆN

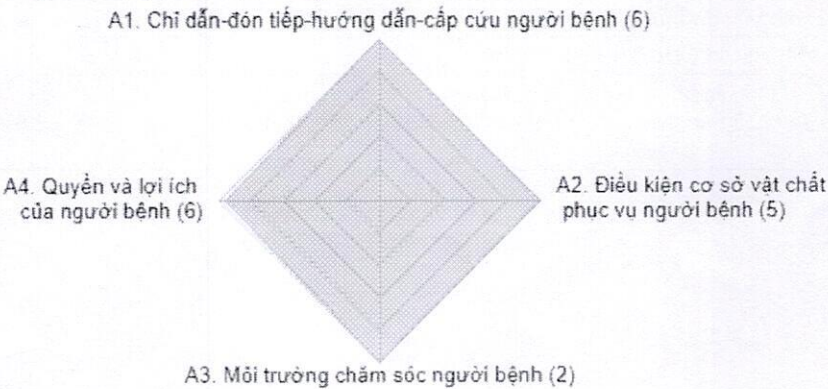
I. Thành phần đoàn kiểm tra bệnh viện: 1. BS.CKII. Trần Ngọc Hải - Giám đốc - Trưởng đoàn 2. BS.CKII. Hồng Công Danh - Phó Giám đốc - Phó trưởng đoàn 3. BS.CKII. Phạm Thanh Hải - Phó Giám đốc - Phó trưởng đoàn 4. BS.CKII. Vương Đình Bảo Anh - Phó Giám đốc - Phó Trưởng đoàn 5. TS.BS. Lê Thị Minh Châu - Trưởng phòng QLCL -Thành viên 6. ThS. ĐD. Lê Thị Tuyết Hằng - Trưởng phòng ĐD - Thành viên 7. ThS. ĐD. Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - P.Trưởng phòng ĐD - Thành viên 8. BS.CKII. Bùi Văn Hoàng - Trưởng phòng KHTH - Thành viên 9. BS.CKII. Trần Thị Ngọc - Phó Trưởng phòng KHTH - Thành viên 10. BS.CKII. Nguyễn Thị Thu Hiền - Trưởng phòng CĐT - Thành viên 11. BS.CKII. Bùi Thị Hồng Nhu - Trưởng phòng CTXH - Thành viên 12. CNHS. Dương Thị Kim Tuyền - Phòng QLCL - Thành viên 13. CV. Dư Phương Hồng - Phòng QLCL -Thành viên 14. CNHS. Lý Lâm Thục Nguyên – Phòng QLCL – Thành viên 15. CNDD. Trần Thị Lê Duyên - Phòng QLCL - Thành viên II. Nội dung: 1. Nội dung: tự rà soát, kiểm tra, đánh giá chất lượng năm 2024 - Quyết định 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam - Thông tư 15/2024/TT-BYT ngày 16/11/2024 quy định Tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện. - Quyết định 2429/QĐ-BYT ngày 12/6/2017 về ban hành tiêu chí đánh giá chất lượng phòng xét nghiệm 2. Thời gian: 20-21/01/2025. 3. Địa điểm: Thành viên Đoàn kiểm tra và khoa, phòng được phân công chịu trách nhiệm sắp xếp địa điểm để kiểm tra, đánh giá các tiêu chí

IV. BIỂU ĐỒ CÁC KHÍA CẠNH CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

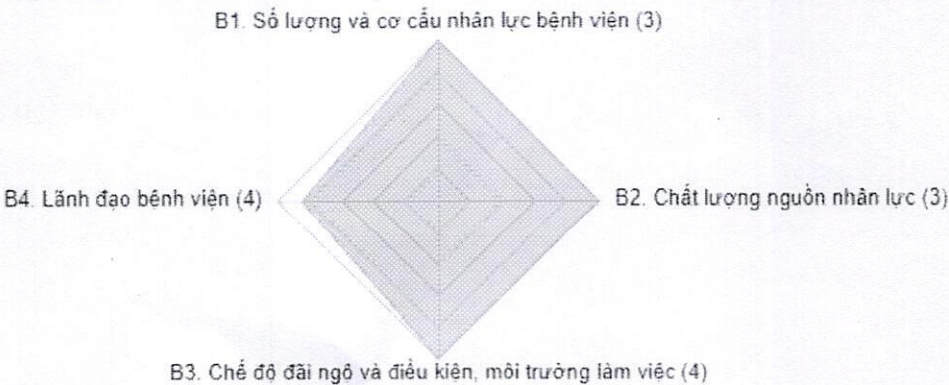
- a. Biểu đồ chung cho 5 phần (từ phần A đến phần E)



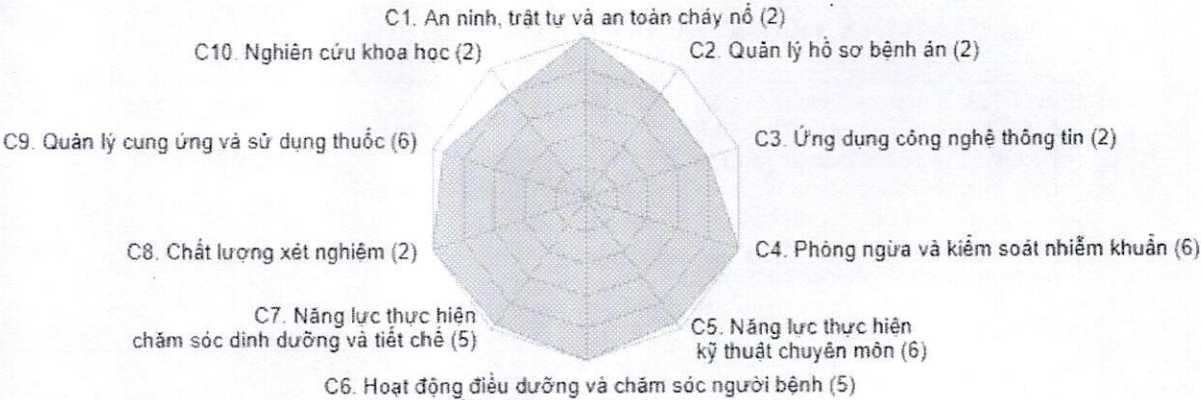
- b. Biểu đồ riêng cho phần A (từ A1 đến A4)



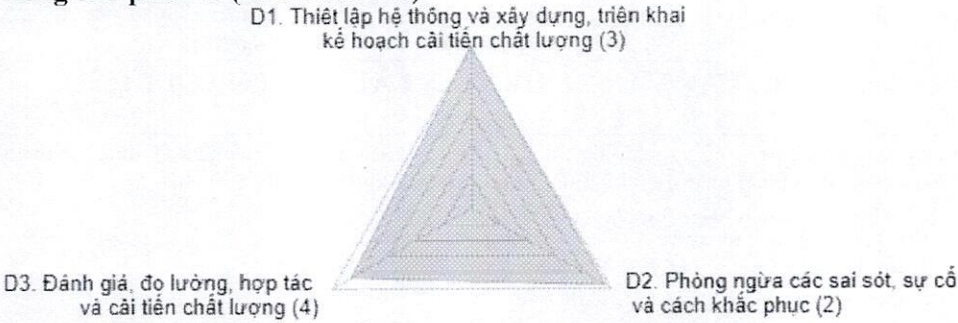
- c. Biểu đồ riêng cho phần B (từ B1 đến B4)



- d. Biểu đồ riêng cho phần C (từ C1 đến C10)



• e. Biểu đồ riêng cho phần D (từ D1 đến D3)



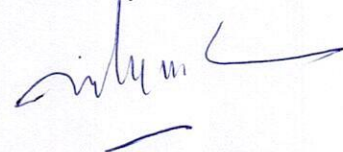
12.05.15 TPI Minh Chấn

12.05.15 TPI Minh Chấn

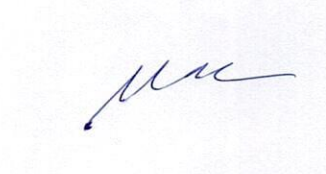
V. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC ƯU ĐIỂM CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN
Đạt 100 phần trăm các tiêu chí về: - Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn người bệnh - Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh - Điều kiện chăm sóc người bệnh - Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện - Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc - An ninh trật tự và an toàn cháy nổ - Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh - Chất lượng xét nghiệm
VI. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC NHƯỢC ĐIỂM, VẤN ĐỀ TỒN TẠI
- Hoạt động công nghệ thông tin vẫn chưa đáp ứng được định hướng phát triển số hóa và các yêu cầu cải tiến chất lượng quản lý thông tin khám chữa bệnh, phục vụ quản lý và điều hành.
VII. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG
- Đẩy mạnh cải tiến công nghệ thông tin, tích cực xúc tiến lộ trình triển khai áp dụng bệnh án điện tử - Đẩy mạnh giải pháp phát triển kỹ thuật mới trong các lĩnh vực: can thiệp bảo thai, chẩn đoán hình ảnh, nội soi, bệnh lý sản phụ, hiếm muộn - Triển khai các kỹ thuật mới: Siêu âm đánh giá ống dẫn trứng bằng chất tương phản (HyFoSy). Siêu âm tầm soát di tật thai nhi 3 tháng đầu. Triển khai phẫu thuật nội soi điều trị bảo tồn tử cung trong ung thư cổ tử cung Tiếp tục phối hợp giữa Bệnh viện Từ Dũ và Bệnh viện Nhi Đồng 1 trong can thiệp tim mạch bảo thai trong tử cung.
VIII. GIẢI PHÁP, LỘ TRÌNH, THỜI GIAN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG
- Đẩy mạnh cải tiến công nghệ thông tin, tích cực xúc tiến lộ trình triển khai áp dụng bệnh án điện tử - Đẩy mạnh giải pháp phát triển kỹ thuật mới trong các lĩnh vực: can thiệp bảo thai, nội soi, bệnh lý sản phụ, hiếm muộn - Triển khai các kỹ thuật mới
IX. KẾT LUẬN, CAM KẾT CỦA BỆNH VIỆN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG
Chất lượng bệnh viện là lĩnh vực quan trọng, bệnh viện cam kết tiến hành cải tiến chất lượng liên tục nhằm phục vụ người bệnh ngày càng tốt hơn, tạo niềm tin và mang đến sự hài lòng cho người bệnh.

Ngày...23...tháng...01...năm...2025

NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN
(ký tên)


TS.BS. Lê Thị Minh Châu

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
(ký tên và đóng dấu)


BS. CKII Trần Ngọc Hải

Phụ lục
BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN
VÀ HÀI LÒNG NGƯỜI BỆNH NĂM 2024

Tên bệnh viện: BỆNH VIỆN TỪ DŨ

Họ tên đầu mối được phân công đánh giá chất lượng bệnh viện (họ tên, chức vụ, số điện thoại liên lạc):

- Họ tên: TS.BS. Lê Thị Minh Châu.
- Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý chất lượng.
- Số điện thoại liên lạc: 0908.429.006

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm đạt
1	Thông tin, số liệu hoạt động bệnh viện	30 điểm	30 điểm
	- Nhập đầy đủ thông tin: 30 điểm - Nhập thiếu: 10 điểm - Không nhập: 0 điểm	30 điểm	30 điểm
2	Đánh giá chất lượng bệnh viện	550 điểm	525 điểm
2.1	Đánh giá tiêu chuẩn chất lượng cơ bản - Nhập đầy đủ thông tin, đạt toàn bộ các tiêu chuẩn và đầy đủ bằng chứng minh họa: 50 điểm - Nhập đầy đủ thông tin, đạt toàn bộ các tiêu chuẩn và thiếu bằng chứng minh họa: 20 điểm - Không đạt một tiêu chuẩn bất kỳ: 0 điểm	50 điểm	50 điểm
2.2	Đánh giá Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện 2.0 - Kết quả đánh giá mức chất lượng nhân với 100 (ví dụ bệnh viện đạt mức 3,6 tương đương 360 điểm)	500 điểm	475 điểm
3	Khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế	150 điểm	149,45 điểm
3.1	Chỉ số tỷ lệ hài lòng NB nội trú quy ra số điểm tương ứng theo thang điểm 100 chia 2 (làm tròn)	50 điểm	50 điểm
3.2	Chỉ số tỷ lệ hài lòng NB ngoại trú quy ra số điểm tương ứng theo thang điểm 100 chia 2 (làm tròn)	50 điểm	50 điểm
3.3	Chỉ số tỷ lệ hài lòng NVYT quy ra số điểm tương ứng theo thang điểm 100 chia 2 (làm tròn)	50 điểm	49,45 điểm
4	Kiểm tra công tác cấp cứu, hồi sức tích cực	30 điểm	10 điểm
	Triển khai công tác hồi sức tích cực: - Có khoa hồi sức tích cực hoặc thành lập mới đơn vị (khoa, trung tâm) hồi sức tích cực. Đơn vị có ít nhất 3	30 điểm	10 điểm

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm đạt
	bác sỹ chuyên khoa cấp cứu, hồi sức tích cực trở lên: 30 điểm - Có ít nhất 2 bác sỹ được đào tạo về hồi sức tích cực từ 3 tháng trở lên: 10 điểm		
5	Kiểm tra việc triển khai các chỉ đạo khẩn của Chính phủ, Bộ Y tế: Chuyển đổi số, phát triển CNTT, nâng cao chất lượng KCB	210 điểm	155 điểm
5.1	Đặt lịch hẹn khám - Có áp dụng CNTT đặt lịch hẹn khám trước, tỷ lệ người đến khám sử dụng dưới 50%: 10 điểm - Có áp dụng CNTT đặt lịch hẹn khám trước, tỷ lệ người đến khám sử dụng từ 50% đến 75%: 20 điểm - Có áp dụng CNTT đặt lịch hẹn khám trước, tỷ lệ người đến khám sử dụng từ 75% trở lên: 30 điểm	30 điểm	30 điểm
5.2	Triển khai hội chẩn, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa - Có hạ tầng phục vụ hội chẩn từ xa, có kết nối với tuyến trên, tuyến dưới: 5 điểm - Phòng phẫu thuật, thủ thuật có phương tiện phục vụ hội chẩn, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa: 5 điểm - Có thực hiện hội chẩn từ xa, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa theo định kỳ ít nhất 1 lần trong 2 tuần: 10 điểm	20 điểm (tính tổng điểm các mục)	20 điểm
5.3	Triển khai bệnh án điện tử - Thực hiện tốt, áp dụng hoàn toàn bệnh án điện tử: 30 điểm - Khá, đã áp dụng bệnh án điện tử cho trên 50% module: 20 điểm - Trung bình, bắt đầu triển khai áp dụng: 10 điểm - Kém, chưa triển khai: 0 điểm	30 điểm	10 điểm
5.4	Công tác chuyển đổi số, triển khai sở sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNelD, chuyên viện, hẹn khám lại các công việc liên quan thực hiện Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ - Có ki-ốt đăng ký khám bằng căn cước gắn chip điện tử: 5 điểm - Đã thực hiện liên thông dữ liệu phục vụ Đề án 06/CP: 5 điểm - Bảo đảm liên thông giấy chứng sinh, báo tử đầy đủ: 5 điểm - Đã thực hiện lập phiếu chẩn đoán nguyên nhân tử vong cho các trường hợp tử vong tại bệnh viện: 5 điểm	20 điểm (tính tổng điểm các mục)	20 điểm
5.5	Tình hình cung ứng thuốc, vật tư y tế trong bệnh viện - Đủ thuốc, vật tư y tế không bị gián đoạn nguồn cung: 30 điểm - Có thiếu, bị gián đoạn dưới 2 tuần trong năm: 20 điểm - Có thiếu, bị gián đoạn dưới 1 tháng trong năm: 10 điểm	30 điểm	30 điểm

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm đạt
	- Có thiếu, bị gián đoạn từ 1 tháng trở lên: 0 điểm	.	
5.6	Việc chấp hành pháp luật về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh a) Công khai giá: 10 điểm - Giá niêm yết công khai, in trên bảng treo, giấy, điện tử... để tra cứu - Công khai mức chênh lệch (giữa giá theo yêu cầu và BHYT thanh toán) b) Về lập phương án giá: 20 điểm - Đối với dịch vụ do Bộ Y tế quy định giá cụ thể: từ 01/11/2024 các cơ sở mới thực hiện lập Phương án giá và được cấp có thẩm quyền quyết định giá theo Điều 110 của Luật KBCB. Từ 01/11/2024 trở về trước thực hiện Thông tư 21, 22. (10 điểm) - Đối với dịch vụ KBCB theo yêu cầu: (10 điểm) + Đã lập Hồ sơ phương án giá, tổ chức thẩm định để Thủ trưởng đơn vị quyết định giá + Thực hiện kê khai giá KBCB theo yêu cầu đầy đủ c) Việc chấp hành mức giá do cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quyết định: 10 điểm - Có thực hiện thu đúng giá niêm yết cho đúng đối tượng <i>Lưu ý: nếu đạt yêu cầu toàn bộ các nội dung trong 5.6 chấm 10 điểm, không đạt chấm 0 điểm</i>	40 điểm	30 điểm
5.7	Thực hiện các quy định về định mức giường bệnh, số giường kế hoạch, thực kê và các điều kiện liên quan như diện tích, cơ sở hạ tầng, nhân lực... - Số giường kế hoạch và thực kê chênh nhau dưới 10%: 20 điểm - Số giường thực kê vượt trên 10% và đã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, đạt yêu cầu để phê duyệt bổ sung giường bệnh: 10 điểm - Số giường thực kê vượt trên 10%, hồ sơ thiếu và chưa được phê duyệt: 0 điểm	20 điểm	0 điểm
5.8	Thực hiện việc xếp cấp chuyên môn kỹ thuật: - Báo cáo đúng thời hạn và đầy đủ bằng chứng minh họa: 20 điểm - Báo cáo chậm thời hạn và đầy đủ bằng chứng minh họa: 10 điểm - Không báo cáo, chậm từ 1 tháng trở lên: 0 điểm	20 điểm	20 điểm
6	Kiểm tra việc phản hồi một số văn bản phục vụ công tác quản lý	30 điểm	10 điểm
	Rà soát việc cung cấp thông tin đầy đủ cho các văn bản sau:	30 điểm	10 điểm

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm đạt
	- Công văn số 567/KCB-QLCL&CĐT ngày 16/4/2024 về báo cáo hình thức thanh toán viện phí và xin ý kiến thanh toán không dùng tiền mặt: 10 điểm - Công văn số 1575/KCB-QLCL&CĐT ngày 27/9/2024 về tham gia góp ý dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện: 10 điểm - Công văn số 1761/KCB-QLCL&CĐT ngày 30/10/2024 về rà soát việc chấm điểm và tổng hợp kết quả, báo cáo xếp cấp chuyên môn kỹ thuật: 10 điểm	(tính tổng điểm 03 công văn)	
	Tổng cộng	1.000 điểm	884,45 điểm

Đính kèm: Biên bản tự đánh giá theo biểu mẫu phụ lục 1 Quyết định số 6858/QĐ-BYT./

Ngày 23 tháng 01 năm 2025

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ và tên)



BS. CKII Trần Ngọc Hải

SỞ Y TẾ
Bệnh viện Từ Dũ

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KHẢO SÁT HÀI LÒNG

Loại đánh giá

Mã bệnh viện

Ngày khảo sát

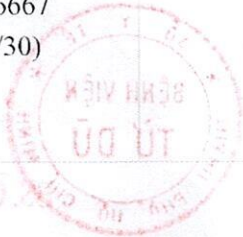
2. Bệnh viện tự c

60495

2025/01/01

2025/01/31

#	LOẠI THÔNG KÊ	1. KHẢO SÁT Ý KIẾN NGƯỜI BỆNH NỘI TRÚ	1. PHIẾU KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG NGƯỜI BỆNH NỘI TRÚ (QĐ56)	2. KHẢO SÁT Ý KIẾN NGƯỜI BỆNH NGOẠI TRÚ	2. PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN NGƯỜI BỆNH NGOẠI TRÚ (QĐ56)	3. KHẢO SÁT Ý KIẾN NHÂN VIÊN Y TẾ	4. PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN NGƯỜI MẸ SINH CON TẠI BỆNH VIỆN
1	Tổng điểm TB người dùng chọn		4.952778 (5349/1080)		4.968817 (4621/930)	4.885580 (417893/85536)	4.942029 (3410/690)
2	Tỷ lệ hài lòng chung		100% (1080/1080)		100% (930/930)	99.9591% (85501/85536)	100% (690/690)
3	Điểm TB theo từng phần		A: 4.953333 (743/150) B: 4.952381 (1040/210) C: 4.951515 (1634/330) D: 4.957143 (1041/210) E: 4.950000 (891/180)		A: 4.960000 (744/150) B: 4.953333 (1486/300) C: 4.962500 (1191/240) D: 5.000000 (600/120) E: 5.000000 (600/120)	A: 4.873285 (85263/17496) B: 4.871628 (85234/17496) C: 4.882545 (113900/23328) D: 4.900132 (66681/13608) E: 4.909979 (66815/13608)	A: 4.900000 (294/60) B: 4.916667 (295/60) C: 4.944444 (445/90) D: 4.950000 (891/180) E: 4.933333 (592/120) G: 4.955556 (446/90) H: 4.966667 (447/90)
4	Tỷ lệ hài lòng so với mong đợi		99.866667 (2996/30)		99.833333 (2995/30)		97.866667 (2936/30)



12.35.16 TỈNH MIỀN CHÂU

#	LOẠI THÔNG KÊ	1. KHẢO SÁT Ý KIẾN NGƯỜI BỆNH NỘI TRÚ	1. PHIẾU KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG NGƯỜI BỆNH NỘI TRÚ (QĐ56)	2. KHẢO SÁT Ý KIẾN NGƯỜI BỆNH NGOẠI TRÚ	2. PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN NGƯỜI BỆNH NGOẠI TRÚ (QĐ56)	3. KHẢO SÁT Ý KIẾN NHÂN VIÊN Y TẾ	4. PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN NGƯỜI MẸ SINH CON TẠI BỆNH VIỆN
5	Tỷ lệ người bệnh sẽ quay trở lại		100% (30/30)		100% (30/30)		100% (30/30)
6	Chỉ số hài lòng toàn diện		100% (30/30)		100% (30/30)	98.9712% (1924/1944)	100% (30/30)
-	Tổng số phiếu được phân tích	30	30	1944	30		

Ý kiến khác:

1
Không
Không
Không
Không
Không
Không

rất tốt
gia đình xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ, chăm sóc của các bác sĩ và nhân viên bệnh viện trong thời gian sản phụ sinh bé, kính chúc mọi người mãi mãi nhiều sức khỏe và thành công

TRƯỞNG PHÒNG/PHỤ TRÁCH
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



TS.BS. Lê Thị Minh Châu

GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN



TS.BS. CKII Trần Ngọc Hải